

1112 Series — SERIES 1112

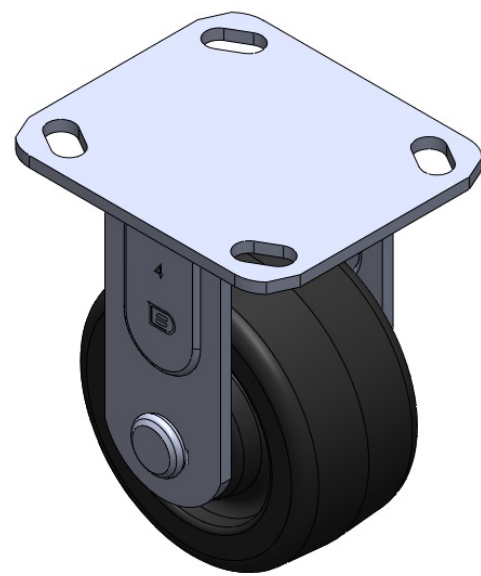
Bánh xe Phenolic (màu đen) Đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 101 x 50.8mm

EAN  
TW-4111204001003

Bánh xe cố định với khung thép hàn  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp đế  
Lõi bánh xe và mặt bánh xe bằng nhựa tổng hợp nén với vải tằm  
Vòng bi bánh xe màu đen—các hạt dài chính xác.

Bề mặt: Nhựa tổng hợp nén tằm vải  
Lõi bánh xe: Nhựa tổng hợp nén tằm vải

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

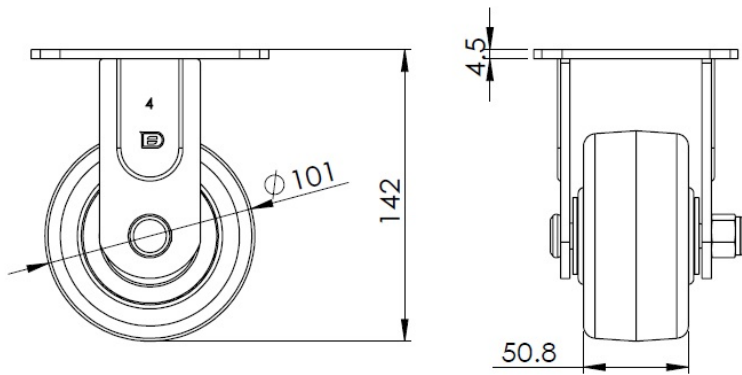
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                                        |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                                        |
| Đường kính bánh xe                                                        | 101mm                                  |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 50.8mm                                 |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi cầu chính xác |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 115 x 100mm                            |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 85 x 70mm                              |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 20 x 11mm                              |
| Độ lệch tâm                                                               | 54mm                                   |
| Sự can thiệp quay                                                         | 260mm                                  |
| Tổng chiều cao                                                            | 142mm                                  |
| Bán kính xoay                                                             | 60mm                                   |
| Độ cứng                                                                   | 80±5° Shore D                          |
| Tải trọng (động)                                                          | 360kgs                                 |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 540kgs                                 |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +150°C                        |
| Càng bánh xe                                                              | Cố định                                |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                                    |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                                    |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                                    |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 1.30kgs                                |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                               |

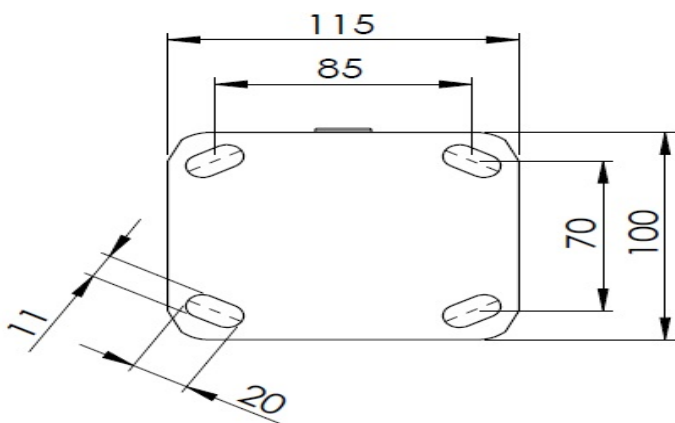
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ● |
| Chế độ im lặng       | ● ● ○ ○ ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ○ ○ ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét